Số: 16/QĐ-UBND; 08/01/2026; 16:52:20;

UBND TỈNH LAI CHÂU **Biểu số 54/CK-NSNN**

TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA

GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /01/2026 của UBND tỉnh Lai Châu)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Chi tiết theo sắc thuế			
		Thu tiền sử dụng đất	Thu phí, lệ phí	Thu tiền thuê đất	Thu khác
	TỔNG SỐ	**190.000**	**12.768**	**14.600**	**17.054**
1	Xã Mường Kim	1.500	300		500
2	Xã Khoen On	100	50		100
3	Xã Than Uyên	7.700	1.100	300	1.100
4	Xã Mường Than	3.500	250		450
5	Xã Pắc Ta	1.000	500		470
6	Xã Nậm Sỏ	100	100		150
7	Xã Tân Uyên	9.000	1.430	400	1.000
8	Xã Mường Khoa	1.300	500		450
9	Xã Bản Bo	1.000	65		24
10	Xã Bình Lư	5.500	875	600	1.942
11	Xã Tả Lèng	300	24		10
12	Xã Khun Há	200	36	100	16
13	Phường Tân Phong	40.000	900	6.000	2.690
14	Phường Đoàn Kết	65.000	1.100	5.200	2.740
15	Xã Sin Suối Hồ	1.000	100		200
16	Xã Phong Thổ	5.500	1.550	600	820
17	Xã Sì Lở Lầu	100	100		200
18	Xã Dào San	100	100		200
19	Xã Khổng Lào	100	150		200
20	Xã Tủa Sín Chải	100	30		30
21	Xã Sìn Hồ	1.850	580	100	700
22	Xã Hồng Thu	50	20		45

STT	Tên đơn vị	Chi tiết theo sắc thuế			
		Thu tiền sử dụng đất	Thu phí, lệ phí	Thu tiền thuê đất	Thu khác
23	Xã Nậm Tăm	500	50	100	50
24	Xã Pu Sam Cáp	100	20		10
25	Xã Nậm Cuổi	50	20		30
26	Xã Nậm Mạ	50	20	100	10
27	Xã Lê Lợi	200	32		50
28	Xã Nậm Hàng	200	736	600	800
29	Xã Mường Mô	1.000	20		10
30	Xã Hua Bum	100	50		100
31	Xã Pa Tần	16.000	60		320
32	Xã Bum Nưa	300	20	100	105
33	Xã Bum Tở	26.000	1.623	400	1.200
34	Xã Mường Tè	300	15		82
35	Xã Thu Lũm	50	17		100
36	Xã Pa Ủ	50	111		71
37	Xã Mù Cả	50	104		41
38	Xã Tà Tổng	50	10		38